

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày 17-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Lâm và bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đàm Xuân Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 06/01/2025, đối với bị cáo:

Đặng Tấn T, sinh ngày 10/8/1995, tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 08/12; con ông Đặng Thái S và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 02/7/2020, bị Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 24/2020/HSST; Ngày 30/9/2020, bị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 69/2020/HSST. Buộc chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 36 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/3/2023, chưa được xóa án tích.

Về nhân thân:

+ Ngày 22/11/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tại Bản án số 166/2012/HSPT. Ngày 28/11/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 (S1) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 176/2012/HSPT. Buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 tháng tù. Thi hành án phạt tù tại Trại giam Công an tỉnh Q, chấp hành xong ngày 19/7/2013.

+ Ngày 28/12/2015, bị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 99/2015/HSST.

+ Ngày 26/02/2016, bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 20/2016/HSPT. Thi hành án phạt tù tại Trại giam Công an tỉnh Q, chấp hành xong ngày 01/8/2017.

+ Ngày 05/8/2020, bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình về tội trộm cắp tài sản khác. Có mặt tại phiên tòa, theo lệnh trích xuất.

- Bị hại:

+ Ông Trần Công Đ, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Chí P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Hoàng Thế D, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Hoàng Văn Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý thức chiếm đoạt tài sản, trong ngày 19/8/2024, Đặng Tấn T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Q, tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 19/8/2024, Đặng Tấn T đón xe khách đi từ tỉnh Hà Tĩnh vào tỉnh Quảng Bình, khi đi qua ngã ba đường X, thuộc xã Q, huyện Q khoảng 200 mét, T xuống xe, đi bộ dọc đường Q theo hướng Bắc - N. Khi đi qua nhà của anh Trần Công Đ ở phía bên trái đường thấy tầng 2 không đóng cửa, đèn điện bật sáng. T đi bộ băng qua đường, rồi trèo lên cột trụ bê tông phía bên trái lên tầng 2. T đi vào phòng ngủ thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh, và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50, màu trắng. T lấy 02 điện thoại trên bỏ vào túi quần phía trước bên phải rồi theo cầu thang đi xuống tầng 1. T mở cửa phòng ngủ phía bên trái chân cầu thang thì nghe tiếng động trong phòng nên bỏ chạy ra hướng cửa chính rồi mở cửa tẩu thoát ra ngoài.

Vụ thứ 2: Sau khi trộm cắp tài sản tại nhà anh Trần Công Đ, T tiếp tục đi bộ theo Quốc lộ A hướng vào thị xã B, khi đến thôn X, xã Q, huyện Q, thấy nhà của anh Nguyễn Chí P dễ đột nhập nên đã trèo qua hàng rào phía Bắc vào trong sân nhà, rồi vào nhà bằng đường cửa phụ bên phải (cửa không khóa). T đi vào phòng ngủ thấy phía dưới chân giường có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại Reno 8, màu vàng nhạt nên đã lấy bỏ vào túi quần bên phải rồi đi ra. Khi tới cầu thang, T thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 7 Plus, màu hồng nhạt nên lấy và cầm trên tay rồi theo hướng đột nhập vào nhà tẩu thoát ra ngoài.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T liên hệ với Hoàng Thế D để bán điện thoại, D đồng ý rồi hẹn T đến khu vực cầu Q, thuộc phường Q, thị xã B để kiểm tra máy. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T đi bộ đến vị trí đã hẹn để bán điện thoại cho D, trên đường đi, T gặp và bán 01 điện thoại Oppo Reno 8, màu vàng cho một người đàn

ông đi thu mua điện thoại dạo với giá 300.000 đồng. Khi đi đến cầu Q, thấy điện thoại S2 đã cũ, không mở được khóa màn hình nên T vứt điện thoại xuống sông. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 7 Plus, màu hồng nhạt và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh, sau khi kiểm tra, Hoàng Thế D nói với T là phải gửi đi kiểm tra rồi báo giá sau, D đưa trước cho T 500.000 đồng rồi mang điện thoại về. Khi biết 02 điện thoại trên là tài sản do trộm cắp mà có, D đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an.

Ngày 30/9/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q có Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS, kết luận:

+ 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 7 Plus, màu hồng nhạt, đã qua sử dụng, có giá tại thời điểm tháng 8 năm 2024 là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

+ 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại Reno 8, màu vàng nhạt, đã qua sử dụng có giá tại thời điểm tháng 8 năm 2024 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh, đã qua sử dụng, có giá tại thời điểm tháng 8 năm 2024 là 7.546.000 đồng (Bảy triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

+ 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50, màu trắng, đã qua sử dụng có giá tại thời điểm tháng 8 năm 2024 là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được là 15.746.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Về vật chứng và xử lý vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh, đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là ông Trần Công Đ; thu giữ và trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 7 Plus, màu hồng nhạt, đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Chí P.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50, màu trắng, đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

Đối với điện thoại nhãn hiệu Oppo, loại Reno 8, màu vàng nhạt, đã qua sử dụng, T khai nhận đã bán cho một người đàn ông không rõ nhân thân, đặc điểm nhận dạng nên không có căn cứ để truy tìm vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Trần Công Đ, Nguyễn Chí P yêu cầu bị cáo Đặng Tấn T phải bồi thường cho mỗi bị hại số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo thống nhất với yêu cầu của các bị hại nhưng chưa thực hiện việc bồi thường. Đối với số tiền 500.000 đồng, bị cáo Đặng Tấn T đã nhận từ việc bán điện thoại, anh Hoàng Thế D không yêu cầu bị can phải bồi hoàn. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Trần Công Đ và anh Nguyễn Chí P không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 51/CT-VKSQT ngày 29 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Đặng Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung

Cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: về tội danh: tuyên bố bị cáo Đặng Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; về hình phạt: xử phạt bị cáo Đặng Tấn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù; về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu sung công số tiền 800.000 đồng; về trách nhiệm bồi thường dân sự: không xem xét; buộc bị cáo phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản mà mình đã thực hiện là vi phạm pháp luật, đã sai phạm. Bị cáo nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố, kết tội bị cáo. Bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Tấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản đã thực hiện. Nhằm mục đích tiêu xài, phục vụ nhu cầu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của các chủ sở hữu, đã 02 lần lén lút trộm cắp tài sản là 02 điện thoại di động của ông Trần Công Đ và 02 điện thoại di động của anh Nguyễn Chí P. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt được là 15.746.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Đối chiếu lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là hoàn toàn phù hợp và thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận, bị cáo Đặng Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung. Vì muốn có tiền phục vụ nhu cầu, mục đích bản thân bị cáo đã coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần quyết định một hình phạt tương xứng đối với tính chất của hành vi phạm tội, mức độ, hậu quả mà bị cáo gây ra. Nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và quy tắc của cuộc sống, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử nhiều lần; tuy nhiên, bị cáo T không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà vẫn tiếp tục phạm tội nên cần thiết xử phạt nghiêm đối với bị cáo.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, được áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xét quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Từ những nhận định, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc phải đi chấp hành hình phạt tại trại giam, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo tiến bộ.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định, “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, bị cáo không có công việc và không có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ giao trả cho bị hại theo quy định. Từ giai đoạn điều tra và đến tại phiên tòa anh Hoàng Thế D không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền 500.000 đồng mà bị cáo đã nhận từ việc bán điện thoại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra, truy tố, các bị hại Trần Công Đ, Nguyễn Chí P yêu cầu bị cáo Đặng Tấn T phải bồi thường cho mỗi bị hại số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo thống nhất với yêu cầu của các bị hại nhưng chưa thực hiện việc bồi thường. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị hại ông Trần Công Đ và anh Nguyễn Chí P có văn bản trình bày ý kiến về việc không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét

[10] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã tạm giữ vật chứng liên quan để điều tra và đã tiến hành xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Đến tại phiên tòa không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50, màu trắng, đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

Đối với điện thoại nhãn hiệu Oppo, loại Reno 8, màu vàng nhạt, đã qua sử dụng, T khai nhận đã bán cho một người đàn ông không rõ nhân thân, đặc điểm nhận dạng nên không có căn cứ để truy tìm vật chứng.

Đối với số tiền 300.000 đồng mà bị cáo bán điện thoại cho người đàn ông mua điện thoại dạo và số tiền 500.000 đồng bán điện thoại cho anh Hoàng Thế D. Đây là số tiền do mua bán tài sản trộm cắp mà có nên căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước.

[11] Liên quan trong vụ án có hành vi của anh Hoàng Thế D mua 02 điện thoại di động từ Đặng Tấn T, quá trình điều tra xác định anh D không biết nguồn gốc của những tài sản trên là do T trộm cắp mà có, anh D không hứa hẹn, thỏa thuận từ trước với T nên không có dấu hiệu đồng phạm với T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự, và không có cơ sở để xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Đối với người đàn ông mua chiếc điện thoại Oppo Reno 8, màu vàng nhạt, T không biết được lai lịch, nhân thân, đặc điểm nhận dạng của người này nên không có cơ sở để xác minh, triệu tập làm việc.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Đặng Tấn T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đặng Tấn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.
3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.
4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét
5. Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Buộc bị cáo Đặng Tấn T phải nộp vào số tiền 800.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.
6. Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Tấn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Kim Dung